

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29/7/2024

V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thành Đô
2. Ông Chu Quốc Đạt

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Đức Thứ - Kiểm sát viên Viện.

Trong ngày 29/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2024/TLST- HNGĐ ngày 01/4/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/QĐST- HNGĐ ngày 11/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Mến, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Đại Giáp, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (có mặt);

- Bị đơn: Anh Nguyễn Công Giang, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Đại Giáp, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Dương Thị Mến trình bày:

Chị và anh Nguyễn Công Giang đăng ký kết hôn với nhau ngày 16/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không bị ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, được một thời gian thì chị phát hiện anh Giang có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng không có bằng chứng xác thực. Đến khoảng năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt gia đình, làm ăn kinh tế, anh Giang đã thừa nhận có người phụ nữ khác qua lại nhiều năm; mặc dù gia đình hai bên đã hòa

giải động viên nhiều lần nhưng anh Giang không thay đổi dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến nay chị và anh Giang đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về mặt tình cảm cũng như kinh tế, việc của ai người đó làm, không quan tâm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Giang.

Về con chung: Chị và anh Giang có 02 con chung là Nguyễn Phú Trọng, sinh ngày 03/4/2007 và Nguyễn Xuân Mai, sinh ngày 16/4/2011. Hiện các con chung đang ở với chị, phát triển bình thường. Nay ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và chị không yêu cầu anh Giang đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang là Phó hiệu trưởng Trường mầm non xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang lương và phụ cấp của chị được khoảng 14.000.000 đồng/ tháng; ngoài ra chị còn kinh doanh online thu nhập khoảng từ 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không vướng mắc nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo bị đơn anh Nguyễn Công Giang trình bày: Ngày 16/11/2005 anh kết hôn với chị Dương Thị Mến trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang. Kết hôn xong anh chị về chung sống với nhau ở thôn Đại Giáp, xã Đại Lâm. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh có người phụ nữ khác. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đến khoảng tháng 2 năm 2024 chị Mến cùng các con đã về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn Đại Giáp sinh sống. Trong thời gian chị Mến về nhà bố mẹ đẻ anh đi làm xa không có thời gian để đón gọi vợ con về tuy nhiên anh vẫn liên lạc động viên chị Mến cùng các con về đoàn tụ. Bản thân đã xác định có lỗi nên anh đã cố gắng sửa chữa nay chị Mến xin ly hôn anh không đồng ý vì vẫn muốn gia đình về đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 02 chung là Nguyễn Phú Trọng, sinh ngày 03/4/2007 và Nguyễn Xuân Mai, sinh ngày 16/4/2011 hiện nay các con ở cùng chị Mến phát triển bình thường. Trong trường hợp chị Mến kiên quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn và đồng ý cho chị Mến nuôi cả 02 con chung. Anh hiện đang là nhà thầu xây dựng thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không vướng mắc nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án với địa phương, được biết như sau: Thời gian gần đây vợ chồng chị Mến anh Giang không còn chung sống với nhau nữa, chị Mến và các con chung đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống.

Tại biên bản ghi lời khai của các cháu Nguyễn Phú Trọng và Nguyễn Xuân Mai, cháu Trọng và cháu Mai cùng trình bày:

Các cháu là con chung của chị Dương Thị Mến và anh Nguyễn Công Giang. Hiện các cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Trường hợp bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Ngoài ra các cháu không còn ý kiến nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Giang đều vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Dương Thị Mến có mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là anh Nguyễn Công Giang vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Mến được ly hôn anh Nguyễn Công Giang.

Về con chung: Giao cho chị Dương Thị Mến trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phú Trọng, sinh ngày 03/4/2007 và Nguyễn Xuân Mai, sinh ngày 16/4/2011. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Mến phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có nơi cư trú tại xã Đại Lâm huyện Lạng Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại các Điều 28,35,39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung

[4.1] Về quan hệ hôn nhân

Căn cứ lời khai của các đương sự cùng tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: chị Dương Thị Mến và anh Nguyễn Công Giang kết hôn ngày 16/11/2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Mến, anh Giang là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị Mến và anh Giang cùng xác nhận khoảng năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt gia đình, làm ăn kinh tế, anh Giang có người phụ nữ khác qua lại nhiều năm; mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải động viên nhiều lần nhưng anh Giang không thay đổi dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến nay hai người đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về mặt tình cảm cũng như kinh tế, việc của ai người đó làm, không quan tâm gì đến nhau. Anh Giang còn có ý kiến trong trường hợp chị Mến cương quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích, phân tích cho chị Mến tuy nhiên chị Mến vẫn giữ nguyên yêu cầu và cương quyết xin ly hôn anh Giang. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Mến và anh Giang đã căng thẳng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị Mến được ly hôn anh Giang, xét như vậy là phù hợp với Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng chị Mến, anh Giang có 02 chung là Nguyễn Phú Trọng, sinh ngày 03/4/2007 và Nguyễn Xuân Mai, sinh ngày 16/4/2011. Hiện các con chung đang ở với chị Mến, phát triển bình thường cả về thể chất và trí tuệ. Ly hôn chị Mến có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung còn anh Giang xác nhận trong trường hợp chị Mến kiên quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý cho chị Mến nuôi cả 02 con chung, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của các đương sự là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật phù hợp với nguyện vọng của các con chung do

đó cần giao cho chị Mến được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật, là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị Mến xác định vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh Giang đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Giang có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh Giang thực hiện quyền này.

[4.3] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Mến được ly hôn anh Nguyễn Công Giang.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị Mến trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Phú Trọng, sinh ngày 03/4/2007 và Nguyễn Xuân Mai, sinh ngày 16/4/2011. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Công Giang có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh Giang thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Mến phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Mến đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007418 ngày 01/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Mến đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã Đại Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

